

QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI VÀ BỊ HẠI LÀ PHỤ NỮ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM¹

TRẦN THỊ LIÊN*

Tóm tắt: Quyền bình đẳng của phụ nữ không còn là nội dung nghiên cứu mới của các học giả trong và ngoài nước nhưng việc nghiên cứu nội dung này gắn với các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam thì còn nhiều khoảng trống vẫn đang cần nghiên cứu. Bài viết phân tích các quan điểm khoa học trong và ngoài nước liên quan đến quyền bình đẳng của người bị buộc tội, bị hại là phụ nữ; đồng thời bình luận các quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam nhằm tìm ra những giải pháp, kiến nghị hoàn thiện hơn nữa các quy định này trong việc bảo đảm quyền con người nói chung, quyền bình đẳng của người bị buộc tội, bị hại nói riêng.

Từ khoá: Quyền bình đẳng, phụ nữ, tố tụng hình sự, người bị buộc tội, bị hại

Ngày nhận bài: 18/5/2023; Biên tập xong: 05/6/2023; Duyệt đăng: 19/6/2023

EQUAL RIGHTS OF WOMEN WHO ARE THE ACCUSED AND VICTIMS IN VIETNAMESE CRIMINAL PROCEEDINGS

Abstract: Equal rights of women is no longer a new research topic of domestic and foreign scholars; however, there are still many gaps that need to be clarified on this topic under provisions of Vietnamese criminal procedure law. The article analyzes scientific opinions on equal rights of women who are the accused and victims, at the same time, revises the provisions of Vietnamese criminal procedure law to find out improvement solutions and recommendations in ensuring human rights generally and equal rights of the accused and victims particularly.

Keywords: Equal rights, women, criminal procedure, the accused, victim

Received: May 18th, 2023; **Editing completed:** Jun 5th, 2023; **Accepted for publication:** Jun 19th, 2023

1. Một số góc nhìn về quyền bình đẳng của phụ nữ trong pháp luật tố tụng hình sự

Quyền bình đẳng - cùng với quyền tự do - đã được đề cập như một trong những trụ cột chính trong hệ thống quyền con người theo khẳng định tại Điều 1 của Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (UDHR) đã được Liên Hợp Quốc thông qua vào năm 1948: “Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về phẩm giá và các quyền”. Nếu như các quyền tự do như tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo đều được bảo vệ thì việc bảo vệ các quyền con người này cũng phải bảo đảm sự bình đẳng. Chẳng hạn như bảo vệ quyền bình đẳng bằng cách chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử trong hưởng thụ tất cả các quyền con người, bao gồm quyền bình đẳng đầy đủ giữa nam và nữ.

Xét về mặt ngữ nghĩa, bình đẳng có nghĩa là: Ngang hàng nhau về địa vị và quyền

lợi (bình: đều nhau; đẳng: thứ bậc)². Như vậy, hiểu một cách chung nhất thì quyền bình đẳng thể hiện sự ngang nhau về địa vị pháp lý, ngang nhau về quyền và nghĩa vụ không phân biệt giới tính, lứa tuổi, tôn giáo, chủng tộc, màu da... Đặt dưới góc độ của pháp luật, bảo đảm quyền bình đẳng chính là không bị pháp luật phân biệt đối xử; con người có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ như nhau.

Pháp luật tố tụng hình sự với vai trò xác định quy trình giải quyết một vụ án hình sự được cho là có nhiều quy định có thể ảnh

* Email: Tranthilienths@gmail.com

Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội

¹ Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Bảo đảm bình đẳng giới trong tố tụng hình sự Việt Nam” tại Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2023.

² Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb. Hồng Đức.

hướng đến quyền con người nói chung, quyền bình đẳng nói riêng - trong đó có quyền bình đẳng của phụ nữ. Bàn về quyền bình đẳng của phụ nữ trong tố tụng hình sự, một số học giả quốc tế đã tìm cách luận giải về việc tư pháp hình sự phải đối xử với phụ nữ như thế nào, kể cả họ có tư cách là nạn nhân và người phạm tội³. Các câu hỏi quan trọng được các nhà nghiên cứu quốc tế quan tâm giải đáp là: Liệu bình đẳng giới có được thiết lập dựa trên sự khác biệt sinh học giữa nam và nữ? Có bắt buộc phải đối xử ưu đãi hơn đối với nữ giới trong tố tụng hình sự? Theo cách tiếp cận này, những học giả ủng hộ quan điểm “sự khác biệt giữa nam và nữ”⁴ nhấn mạnh sự chênh lệch giới tính và ủng hộ việc đối xử khác biệt (đôi khi là đối xử đặc biệt) đối với phụ nữ trong tố tụng hình sự. Từ đó, nhóm quan điểm này cho rằng cần có sự đối xử đặc biệt với phụ nữ kể cả khi họ là người phạm tội hay nạn nhân. Ngược lại, các học giả cho rằng nam và nữ không có quá nhiều sự khác biệt, do đó cần có sự đối xử ngang nhau cho cả hai giới. Các học giả thuộc nhóm này sợ rằng thừa nhận sự khác biệt giữa hai giới sẽ dẫn đến các quyết định mang tính định kiến và tiêu cực⁵. Dưới góc độ xã hội học, một số học giả quốc tế lý giải cơ sở của việc xác lập quyền bình đẳng đối với phụ nữ trong pháp luật hình sự và tố tụng hình sự xuất phát từ vai trò xã hội của họ. Phụ nữ đáng được khoan dung hơn khi quyết định hình phạt hoặc áp dụng các biện pháp cưỡng chế tố tụng vì thiên chức làm vợ, làm mẹ trong xã hội của họ⁶. Quan điểm này cũng được nhiều học

giả trong nước tán đồng với cùng nhận định rằng: “Phụ nữ vốn có các đặc điểm riêng về giới, sinh lý, chức năng, trong đó có cả vai trò làm mẹ và nuôi dạy con cái... Vì vậy phụ nữ cần được xếp vào nhóm có nguy cơ cao bị tổn thương trong một số vụ án đặc trưng liên quan đến phụ nữ”⁷.

Cũng cần khẳng định rằng, quyền bình đẳng của phụ nữ không có nghĩa là cào bằng hay bị đối xử “tương tự” như nam giới mà cần xét đến các hoàn cảnh đặc thù của phụ nữ. Những hoàn cảnh này bao gồm: (1) Sự yếu thế, dễ bị tổn thương của phụ nữ; (2) Thiên chức làm mẹ của phụ nữ; (3) Đặc điểm sinh lý và tâm lý đặc thù của phụ nữ. Trước hết, phụ nữ được xếp vào nhóm “có nguy cơ cao bị tổn thương về quyền con người”⁸, điều này có nghĩa là ngay cả trong các mối quan hệ xã hội thường ngày, họ cũng đã phải đối mặt với các nguy cơ bị lạm dụng, bị phân biệt đối xử. Trong khi đó, các mối quan hệ phát sinh trong tố tụng hình sự còn có nguy cơ cao hơn nữa do sẽ phát sinh nhiều hoạt động có ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Thứ hai, phụ nữ được xã hội trao cho vai trò mang thai, sinh nở, chăm sóc, nuôi dạy con cái. Do đó, pháp luật tố tụng hình sự cũng cần cân nhắc giữa việc giải quyết triệt để một vụ án hình sự với việc vẫn bảo đảm cho phụ nữ hoàn thành những thiên chức này. Cuối cùng, với những đặc điểm bẩm sinh về sinh lý như thể chất, hoóc-môn, phụ nữ có xu hướng phản ứng nhạy cảm và dễ bị tác động về tâm lý so với nam giới trong quá trình tố tụng hình sự⁹. Thêm vào một số định kiến, quan niệm, văn hoá xã

³ Dorothy E. Roberts, The Meaning of Gender Equality in Criminal Law, *Journal of Criminal Law and Criminology*, Số 85 (1), tr.1.

⁴ Christine A. Littleton, *Equalit yand Feminist Legal Theory*, U. Prrr. L. Rev., số 48/1987, tr.1043.

⁵ Wendy M. Williams, *The Equality Crisis: Some Reflections on Culture, Courts and Feminism*, WOMEN’S RTs. L. REP, số 7/1982, tr.175.

⁶ Ilene H. Nagel and Barry L. Johnson, The Role of Gender in a Structured Sentencing System: Equal Treatment, Policy Choices, and the Sentencing of Female Offenders Under the United States Sentencing

Guidelines, *Journal of Criminal Law & Criminology*, số 85/1994, tr.181.

⁷ PGS. TS. Nguyễn Thị Phụng, Quyền con người của phụ nữ trong tố tụng hình sự Việt Nam và một số biện pháp bảo đảm, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, Số tháng 01/2021, tr.59.

⁸ Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lã Khánh Tùng, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

⁹ Hoàng Hương Thủy, Bảo vệ quyền con người của phụ nữ trong tư pháp hình sự, *Tạp chí Khoa học và xã hội Việt Nam*, số 10/2020, tr.112.

hội (ví dụ như thái độ đổ lỗi cho phụ nữ là nạn nhân trong các vụ án xâm hại tình dục) cũng khiến cho phụ nữ thường được đặt ở vị trí “ít được quan tâm hơn” so với nam giới với cùng điều kiện và hoàn cảnh.

Từ những phân tích trên, tác giả cho rằng, quyền bình đẳng của phụ nữ trong tố tụng hình sự cần được hiểu rằng bên cạnh việc được bảo đảm có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trước pháp luật tố tụng hình sự thì phụ nữ còn được hưởng một số quyền đặc thù phù hợp với đặc điểm về giới tính, sinh lý, chức năng xã hội. Và, “do đó, phụ nữ cần được hưởng quyền đặc thù này trong trường hợp phụ nữ có điều kiện, tiêu chuẩn như nam”¹⁰.

2. Đặc điểm quyền bình đẳng của phụ nữ trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, quyền bình đẳng là một bộ phận của hệ thống các quyền con người của phụ nữ trong tố tụng hình sự

Dù được đề cập dưới tư cách là bị hại hay người phạm tội thì hệ thống các quyền của phụ nữ trong tố tụng hình sự luôn bao gồm các quyền cơ bản xuất phát từ tự nhiên và các quyền được hình thành khi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đối với họ. Những quyền cơ bản có thể kể đến như: Quyền được tôn trọng về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân... Những quyền được hình thành khi xuất hiện mối quan hệ trong tố tụng hình sự gồm: Quyền không bị tra tấn, đánh đập khi bị giam, giữ; quyền được xét xử công bằng, đúng pháp luật; quyền được điều tra khách quan trong tố tụng hình sự¹¹. Như vậy, quyền bình đẳng của phụ nữ trong tố tụng hình sự sẽ hợp thành cùng với những quyền nêu trên để

tạo nên tổng thể các quyền con người mà các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải quan tâm, bảo vệ cho họ. Ví dụ, Điều 16 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 quy định về nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự. Quy định này được áp dụng cho quá trình giải quyết vụ án hình sự, bất kể người bị buộc tội, bị hại là nam hay nữ.

Thứ hai, quyền bình đẳng của phụ nữ trong tố tụng hình sự vừa mang tính phổ quát, vừa mang tính đặc thù

Trước tiên, cần khẳng định rằng bất kể ai dù nam hay nữ khi tham gia vào quá trình tố tụng hình sự dưới bất kỳ tư cách nào thì đều bình đẳng trên các phương diện như: Bình đẳng trong việc áp dụng chính sách hình sự, đường lối xử lý hình sự; bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong quá trình tố tụng; bình đẳng về trình tự, thủ tục tố tụng giải quyết vụ án. Cụ thể, pháp luật không có quy định riêng về chính sách, đường lối xử lý trách nhiệm hình sự cho nam giới hay phụ nữ nhằm mang lại đặc quyền cho họ. Bất kể giới tính nào cũng sẽ có cách tiếp cận bình đẳng trong quá trình xem xét trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, nếu cùng tư cách tham gia tố tụng hình sự, phụ nữ và nam giới sẽ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau (Ví dụ: Là bị can thì sẽ đều có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 60 BLTTHS năm 2015). Tương tự, thủ tục tố tụng hình sự được thiết kế chung cho cả phụ nữ và nam giới với trình tự như nhau trong quá trình giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, quyền bình đẳng của phụ nữ trong tố tụng hình sự cũng mang tính đặc thù khi được cụ thể hoá căn cứ vào tư cách pháp lý của họ trong quá trình tố tụng. Rõ ràng, với tư cách tham gia tố tụng hình sự khác nhau, phụ nữ được thụ hưởng và bảo vệ các quyền bình đẳng khác nhau. Sự khác biệt lớn nhất ở đây là dưới tư cách người bị buộc tội và tư cách bị hại. Có thể thấy, dưới tư cách là bị hại, nội dung các quyền bình đẳng của phụ nữ chủ yếu bảo

¹⁰ PGS. TS. Nguyễn Thị Phụng, tldđ, tr.59.

¹¹ Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2015.

đảm sự bình đẳng với nam giới trong khả năng tiếp cận với công lý nói chung, khả năng các biện pháp bảo vệ tính toàn vẹn các quyền con người của họ trong tố tụng hình sự nói riêng.

Dưới tư cách là người bị buộc tội, quyền bình đẳng của phụ nữ lại chủ yếu thể hiện các đặc thù về quyền mà phụ nữ được thụ hưởng khi tham gia vào quá trình tiến hành tố tụng. Các quyền này được thể hiện rõ nét nhất trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Ví dụ, quy định về điều kiện áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi đang được quy định mang tính chất đặc thù tại khoản 4 Điều 119 BLTTHS năm 2015. Theo đó, *“bị can, bị cáo là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi mà có nơi cư trú và lý lịch rõ ràng thì không tạm giam mà áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, trừ các trường hợp: a) Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã; b) Tiếp tục phạm tội; c) Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tấu tạt tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này; d) Bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia”*. Tương tự, khoản 2 Điều 194 BLTTHS năm 2015 quy định: *“Việc khám xét người phải do người cùng giới thực hiện và có người khác cùng giới chứng kiến”*. Những quy định này đã thể hiện rõ nét sự “nhạy cảm về giới” trong quá trình xây dựng pháp luật cũng như áp dụng pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền.

Cần nhấn mạnh rằng, đặc điểm này không hề có mâu thuẫn nội tại khi mục đích của BLTTHS là tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất cho việc điều tra, truy tố, xét xử. Và như vậy, việc quy định thêm một số đặc thù cho phụ nữ suy cho cùng cũng chỉ nhằm đáp ứng các cơ sở xác định quyền

bình đẳng của họ trong tố tụng hình sự; đồng thời cũng nhằm bảo đảm việc điều tra, truy tố, xét xử diễn ra hiệu quả.

3. Một số kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự trong việc bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ là người bị buộc tội và bị hại

Pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam trong những năm vừa qua đã có quy định kế thừa và phát triển các quy định nhằm bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong tố tụng hình sự. Tuy nhiên, trước những đòi hỏi của thực tế khách quan, nhiều quy định hiện chưa thực sự tiệm cận với yêu cầu của luật pháp quốc tế hoặc chưa có các quy định giải quyết các nội dung mới phát sinh liên quan đến vấn đề này. Cụ thể:

Một là, pháp luật tố tụng hình sự cần hoàn thiện các quy định đặc thù đối với bị hại là phụ nữ

Đối với bị hại là phụ nữ, việc xác định quyền bình đẳng trong tố tụng hình sự đối với họ dường như chưa thực sự được quan tâm bằng các quy định đối với người bị buộc tội là phụ nữ¹². Cần nhận thức rằng, khi là bị hại trong một vụ án hình sự (đặc biệt là trong các vụ án xâm hại danh dự, nhân phẩm), bản thân người phụ nữ đã phải trải qua tâm lý đau đớn, mặc cảm thậm chí tự dằn vặt bản thân hoặc bị sang chấn tâm lý¹³. Bước vào một môi trường tố tụng với nhiều hoạt động điều tra như lấy lời khai, giám định, thực nghiệm điều tra... có thể khiến họ có cảm giác “trở thành nạn nhân một lần nữa”. Theo báo cáo rà soát của một tổ chức xã hội, các đáp ứng của xã hội nói chung, của hệ thống tư pháp hình sự nói riêng chưa thực sự được như mong đợi của bị hại là phụ nữ. Xét riêng về bị hại của nhóm hành vi xâm hại tình dục, có tới 2/3 phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật bị xâm hại mà không được trợ giúp ngay từ ban đầu, dẫn đến khó khăn trong việc lấy lời khai, thu thập chứng cứ

¹² Trần Thị Liên, Bảo vệ phụ nữ là bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 5/2022, tr.24.

¹³ Hoàng Hương Thủy, *tlđđ*, tr.112.

trong các giai đoạn tiếp theo¹⁴. Cản trở ngay từ những bước đầu tiếp cận với hệ thống tư pháp hình sự khiến cho chỉ có 43% các vụ bạo lực gia đình được trình báo cho cơ quan công an. Trong các giai đoạn tố tụng hình sự, một tỷ lệ lớn bị hại là phụ nữ có nhu cầu được hỗ trợ là rất cao nhưng các biện pháp bảo vệ và hỗ trợ về tâm lý không được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bỏ ngỏ¹⁵.

Trong khi đó, sự thân thiện đối với phụ nữ của các quy định tố tụng hình sự cũng sẽ có tác động nhất định đối với họ, giúp họ có thể hỗ trợ tối đa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhanh chóng xác định sự thật khách quan của vụ án. Nhằm bảo đảm nội dung này, một số nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp như: Bổ sung quy định về xét xử kín đối với phụ nữ trong một số trường hợp cần thiết; bổ sung việc giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục theo thủ tục rút gọn hoặc giảm thời gian giải quyết vụ án để tránh tổn thương cho bị hại là phụ nữ¹⁶; bổ sung quy định về trường hợp lấy lời khai của bị hại là phụ nữ thì bị hại có quyền đề nghị được trình bày với Điều tra viên, Kiểm sát viên nữ; bổ sung quy định về việc trong trường hợp bị hại là phụ nữ vì lý do đảm bảo uy tín, danh dự mà không muốn trình bày lời khai tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử có thể sử dụng lời khai của bị hại qua băng ghi âm hoặc công bố lời khai trong hồ sơ mà không bắt buộc phải triệu tập bị hại đến phiên tòa¹⁷. Bên cạnh những đề xuất này, tác giả cho rằng cần tiếp tục bổ sung văn bản hướng dẫn cụ thể quy trình tố tụng thân thiện đối với bị hại là phụ nữ, trong đó:

1. Quy định rõ các quy trình tố tụng

¹⁴ GBVnet, UN Women, Báo cáo rà soát: Thực hiện 25 năm Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam, tập trung vào vấn đề bạo lực trên cơ sở giới dưới góc nhìn của các tổ chức xã hội, Hà Nội, 2019, tr.13.

¹⁵ UN Women, UNODC, CSAGA, Tóm tắt đánh giá về chính sách bảo đảm tiếp cận công lý cho phụ nữ khi bị bạo lực tình dục ở Việt Nam, Hà Nội, 2015.

¹⁶ PGS. TS. Nguyễn Thị Phụng, tldđ, tr.65.

¹⁷ Trần Thị Liên, tldđ, tr.28-29.

đặc thù đối với các vụ án có bị hại là phụ nữ như: Trong một số vụ án, theo yêu cầu của bị hại là phụ nữ, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần phân công người tiến hành tố tụng cùng giới tính nữ, có hiểu biết về tâm lý, sinh lý của bị hại; quy định về thời gian, không gian lấy lời khai đối với người bị hại là phụ nữ nhằm bảo đảm hiệu quả tốt nhất của hoạt động này.

2. Quy định rõ một số biện pháp kỹ năng, nghiệp vụ trong một số hoạt động điều tra các vụ án có bị hại là phụ nữ như: Kỹ năng lấy lời khai, kỹ năng xét hỏi tại phiên tòa, kỹ năng khám xét, kỹ năng xem xét dấu vết trên thân thể, kỹ năng thực nghiệm điều tra...

3. Quy định rõ một số trường hợp hạn chế tiếp xúc giữa bị hại là phụ nữ với bị cáo tại phiên tòa xét xử. Quy định này có thể được trình bày như sau: *"Trong những vụ án có bị hại là phụ nữ bị xâm hại tình dục, bị bạo hành, bị mua bán hoặc những vụ án khác có yêu cầu của bị hại là phụ nữ và Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết thì phải cách ly bị hại là phụ nữ với bị cáo"*.

4. Quy định rõ cơ chế nhằm bảo đảm cho bị hại là phụ nữ hiểu về quyền của bản thân và nâng cao khả năng tự đưa ra yêu cầu trợ giúp để bảo đảm lợi ích tốt nhất cho bản thân. Quy định này có thể được trình bày như sau: *"Trong những vụ án có bị hại là phụ nữ, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cần giải thích rõ các quyền đặc thù của họ khi tham gia vào thủ tục tố tụng hình sự cũng như quyền được đưa ra các yêu cầu để được hưởng các quyền này"*.

Hai là, pháp luật tố tụng hình sự cần hoàn thiện các quy định để bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ trong trường hợp chuyển giới

Một vấn đề mới được đặt ra trong xã hội hiện đại đó là việc xác định giới tính nam - nữ không còn chỉ bó hẹp trong các đặc điểm sinh học bẩm sinh. Pháp luật quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam đã ghi nhận giới tính nữ bao gồm cả cá nhân đã chuyển đổi giới tính thành nữ giới. Cụ thể, Điều 37 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Cá nhân*

đã chuyển đổi giới tính có quyền nhân thân phù hợp với giới tính đã được chuyển đổi theo quy định của Bộ luật này và luật khác có liên quan". Tuy nhiên, việc thiếu vắng những quy định cụ thể trong pháp luật tố tụng hình sự đang gây khó khăn cho các quy định liên quan đến cả người bị buộc tội và bị hại là phụ nữ chuyển giới. Người chuyển giới, có thể họ không có cơ sở sinh học tương tự như phụ nữ như đã phân tích ở mục 2 nêu trên nhưng cũng có thể được xếp vào nhóm những người dễ bị tổn thương¹⁸ do ảnh hưởng của các yếu tố xã hội đối với họ (thái độ kì thị, không công nhận của một bộ phận xã hội, pháp luật chưa có khung pháp lý về hộ tịch để công nhận lại giới tính...). Nghiên cứu trên thế giới cho thấy tỉ lệ người chuyển giới là từ 0,3% đến 0,5% dân số, Việt Nam ước đoán có gần 300.000 đến 480.000 người chuyển giới¹⁹. Trong khi đó, hiện tại chưa có quy định rõ ràng về thủ tục thay đổi họ tên, giới tính của người chuyển đổi giới tính trên các giấy tờ tùy thân như giấy khai sinh, chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe, hộ khẩu, thẻ bảo hiểm... cho phù hợp với bản dạng giới sau phẫu thuật. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, có đến 71,4% người chuyển giới cho biết sau khi phẫu thuật, họ gặp rắc rối liên quan đến giấy tờ tùy thân, do ngoại hình thật không khớp với thông tin và hình ảnh trên giấy tờ²⁰. Thực tế giải quyết các vụ án hình sự có người chuyển giới thành phụ nữ gặp phải không ít khó khăn khi xác định tư cách tố tụng của họ hoặc xác định các phương thức áp dụng thủ tục tố tụng phù hợp với họ. Xuất phát từ

việc Luật Hộ tịch chưa có hướng dẫn cụ thể về việc đăng ký thay đổi giới tính nên trong nhiều vụ án, việc xác định giới tính vẫn dựa trên giấy tờ tùy thân với giới tính trước khi chuyển đổi là nam²¹. Như vậy, việc khuyết thiếu cơ chế này khiến cho các vụ án có người tham gia tố tụng là phụ nữ chuyển giới gặp các khó khăn sau:

- Có một số vấn đề nhạy cảm về giới đối với phụ nữ chuyển giới là bị hại trong các vụ án hình sự nhưng họ lại chưa được tiếp cận những quyền bình đẳng tương tự như với phụ nữ. Điều này có thể dẫn đến khó khăn trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử do bị hại không hợp tác, không tin tưởng vào các quy trình tố tụng được áp dụng.

- Khi tham gia với tư cách là người bị buộc tội, phụ nữ chuyển giới cũng gặp bất lợi khi có thể không được áp dụng các quyền bình đẳng đặc thù trong pháp luật tố tụng hình sự. Ví dụ, quy định về việc khám xét người phải do người cùng giới thực hiện và có người khác cùng giới chứng kiến sẽ không thực hiện được với họ do giấy tờ tùy thân vẫn thể hiện giới tính cũ trước khi chuyển đổi. Điều này cũng gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng khi thực hiện khám xét vì có thể sẽ xâm hại nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của người bị khám.

- Trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam đối với người phẫu thuật chuyển giới cũng gặp khó khăn trong quá trình áp dụng. Mặc dù Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 và Luật Thi hành án hình sự năm 2019 đều có quy định về việc giam giữ và phân loại phạm nhân riêng đối với người chuyển đổi giới tính, thực tế áp dụng vẫn phụ thuộc vào sự sẵn có của cơ sở vật chất cũng như nhận thức của cá nhân, tổ chức có thẩm quyền. Theo thống kê, 16,3% người chuyển giới từng bị xâm hại tình dục trong quá trình

¹⁸ Trương Hồng Quang, Người chuyển giới tại Việt Nam dưới góc nhìn pháp lý, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 21 (253), tháng 11/2013.

¹⁹ Phạm Quỳnh Phương, Lê Quang Bình, Mai Thanh Tú, *Người chuyển giới ở Việt Nam - Những vấn đề thực tiễn và pháp lý*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường, Hà Nội, 2012, tr.9.

²⁰ Văn Thị Hồng Nhung, *Bàn về chuyển đổi giới tính dưới góc độ quyền nhân thân của cá nhân*, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-quyen-chuyen-doi-gioi-tinh-duoi-goc-do-quyen-nhan-than-cua-ca-nhan>, truy cập ngày 20/3/2023.

²¹ Mai Thị Diệu Thuý, Hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ quyền lợi của người chuyển đổi giới tính ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí pháp luật và thực tiễn*, số 01/2017, tr.77.

bị tạm giữ, tạm giam và thi hành án; 42,9% người chuyển giới nữ đã từng bị giam/giữ chung với người nam²².

Từ những lý do trên, tác giả cho rằng trong thời gian chờ sự hoàn thiện đồng bộ của các pháp luật có liên quan như Bộ luật Dân sự, Luật Hộ tịch, pháp luật tố tụng hình sự có thể bổ sung một số văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung này theo hướng:

1. Khẳng định quyền bình đẳng của phụ nữ chuyển giới cũng được tôn trọng và bảo vệ, xuất phát từ những đặc điểm riêng có mang tính chất xã hội của họ.

2. Quy định các biện pháp giải quyết khó khăn trong việc áp dụng các quy định về khám xét người, tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù như: Trong trường hợp phụ nữ chuyển đổi giới tính có yêu cầu được khám xét và được chứng kiến việc khám xét bởi người tiến hành tố tụng là nữ giới thì các cơ quan tiến hành tố tụng phải tôn trọng và bảo đảm quyền này cho họ. Trong trường hợp chưa thể sắp xếp cơ sở vật chất để tạm giữ, tạm giam riêng đối với phụ nữ chuyển giới thì có thể cho họ được tạm giữ, tạm giam cùng với nữ giới (giới tính mà tự bản thân họ công nhận mình).

Có thể nói, quyền bình đẳng của phụ nữ là người bị buộc tội và bị hại trong tố tụng hình sự cần được nhìn nhận dưới góc độ rộng, bao gồm cả các quyền cơ bản tương tự như nam giới và những quyền đặc thù xuất phát từ đặc điểm sinh học và xã hội của họ. Mặc dù pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đã ngày càng hoàn thiện để bảo vệ tốt hơn nữa quyền con người, quyền công dân và các quyền của phụ nữ nói riêng, các quy định này cũng cần liên tục được rà soát để đáp ứng các đòi hỏi mới của xã hội. Bài viết đưa ra góc nhìn tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến nội dung này, đồng thời mạnh dạn đề xuất các giải pháp sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật tố tụng hình sự nhằm bảo đảm phụ nữ “được hưởng quyền đặc thù này trong

trường hợp phụ nữ có điều kiện, tiêu chuẩn như nam”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên), *Quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, 2015.
2. Christine A. Littleton, *Equality and Feminist Legal Theory*, U. Prrr. L. REv. 1987, số 48.
3. Nguyễn Đăng Dung, Vũ Công Giao, Lê Khánh Tùng, *Giáo trình Lý luận và pháp luật về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
4. Dorothy E. Roberts, The Meaning of Gender Equality in Criminal Law, *Journal of Criminal law and Criminology*, Số 85 (1), 1994.
5. Ilene H. Nagel and Barry L. Johnson, The Role of Gender in a Structured Sentencing System: Equal Treatment, Policy Choices, and the Sentencing of Female Offenders Under the United States Sentencing Guidelines, *Journal of Criminal Law & Criminology*, số 85, 1994.
6. GBVnet, UN Women, *Báo cáo rà soát: Thực hiện 25 năm Cương lĩnh hành động Bắc Kinh tại Việt Nam, tập trung vào vấn đề bạo lực trên cơ sở giới dưới góc nhìn của các tổ chức xã hội*, Hà Nội, 2019.
7. Trần Thị Liên, Bảo vệ phụ nữ là bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 5/2022, 2022.
8. Văn Thị Hồng Nhung (2021), *Bàn về chuyển đổi giới tính dưới góc độ quyền nhân thân của cá nhân*, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/ban-ve-quyen-chuyen-doi-gioi-tinh-duoi-goc-do-quyen-nhan-than-cua-ca-nhan>.
9. Hoàng Phê (Chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, Viện ngôn ngữ học, Nxb. Hồng Đức, 2003.
10. PGS. TS. Nguyễn Thị Phương, Quyền con người của phụ nữ trong tố tụng hình sự Việt Nam và một số biện pháp bảo đảm, *Tạp chí Pháp luật về quyền con người*, số tháng 01/2021, 2021;
11. Trương Hồng Quang, Người chuyển giới tại Việt Nam dưới góc nhìn pháp lý, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 21 (253), tháng 11/2013, 2013.
12. Mai Thị Diệu Thuý, Hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ quyền lợi của người chuyển đổi giới tính ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí pháp luật và thực tiễn*, số 01/2017, 2017;
13. Hoàng Hương Thuý (2020), Bảo vệ quyền con người của phụ nữ trong tư pháp hình sự, *Tạp chí Khoa học và xã hội Việt Nam*, số 10-2020, 2020.
14. UN Women, UNODC, CSAGA, *Tóm tắt đánh giá về chính sách bảo đảm tiếp cận công lý cho phụ nữ khi bị bạo lực tình dục ở Việt Nam*, Hà Nội, 2015.
15. Phạm Quỳnh Phương, Lê Quang Bình, Mai Thanh Tú (2012), *Người chuyển giới ở Việt Nam - Những vấn đề thực tiễn và pháp lý*, Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường Hà Nội, 2012.
16. Wendy M. Williams (1982), *The Equality Crisis: Some Reflections on Culture, Courts and Feminism*, WOMEN'S RTs. L. REP, số 7.

²² Văn Thị Hồng Nhung, tldd.